

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 53/2026/DS-ST

Ngày: 09-4-2026

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạch Gương, bà Trần Thị Lê

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Lê Nguyễn Trường Giang– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Dân sự thụ lý số 532/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST – DS ngày 27 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2026/QĐST – DS ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ, địa chỉ: B N, phường C, Tp .; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L-Chủ tịch Hội đồng thành viên; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N-Phó giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản; Uỷ quyền lại cho: Bà Trần Thị Quỳnh N1, ông Trần Đức N2, bà Lê Thị L1, ông Trần Thanh T; địa chỉ: B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: ông Chu Văn T1, sinh năm 1975, CCCD: 038075009091, cấp ngày 10/8/2021; địa chỉ: 7 C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/11/2022, ông T1 ký với Ngân hàng TMCP Đ giấy đề nghị cấp tín dụng đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số

341/2022/HDTD/PVB-CNBRVT/PGDBMTT. Nội dung hợp đồng, ông T1 vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất từ ngày 24/11/2022 đến ngày 23/02/2023 là 16,5%/năm, từ ngày 24/02/2023 mức lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất cơ sở cộng 6%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Hiện tại lãi trong hạn 15%/năm, lãi quá hạn 22,5%/năm, lãi chậm trả lãi 10%/năm. Ông T1 có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, được chia thành 60 kỳ thanh toán.

Thực hiện hợp đồng: ngày 24/11/2022, Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản số 256000028890 theo chỉ định của ông T1. Ông T1 đã thanh toán được tổng số tiền: 286.668.675 đồng. Quá trình thành toán ông T1 thường xuyên vi phạm nghĩa vụ. Từ ngày 24/01/2025 ông T1 ngừng thanh. Từ ngày 14/02/2025, khoản nợ của ông T1 chuyển thành nợ quá hạn. Tính đến ngày 09/4/2026 dư nợ của ông T1 là 274.666.250 đồng, trong đó 226.320.389 đồng nợ gốc, 48.372.861 đồng nợ lãi.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông T1 là 274.666.250 đồng, trong đó 226.320.389 đồng nợ gốc, 48.372.861 đồng nợ lãi. Buộc ông T1 tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận từ ngày 10/4/2026 cho đến khi trả xong nợ.

Đối với bị đơn- ông Chu Văn T1:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Chu Văn T1 theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Chu Văn T1 không có văn bản thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Ông Chu Văn Thao T1 có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Chu Văn T1 do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn ông Chu Văn T1 có địa chỉ cư trú tại phường B, nên Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật TTDS.

Bị đơn ông Chu Văn Thao T1 đã được triệu tập hợp pháp đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung khởi kiện:

[2.1]. Xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên:

Hợp đồng tín dụng số 341/2022/HDTD/PVB-CNBRVT/PGDBMTT, ký giữa Ngân hàng TMCP Đ Hiện Đại với ông Chu Văn T1 dựa trên cơ sở sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, được ký kết đúng thẩm quyền nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Xét yêu cầu trả nợ gốc: ngày 24/11/2022, Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân số tiền 400.000.000 đồng. Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định ông T1 đã thanh toán được tổng số tiền: 296.668.675 đồng. Từ ngày 23/01/2025 ông T1 không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng. Tính đến ngày 09/4/2026, ông T1 còn nợ số tiền 226.320.389 đồng nợ gốc, nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T1 thanh toán nợ gốc 226.320.389 đồng là có cơ sở.

Xét yêu cầu trả nợ lãi: Tại hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về lãi suất, nên khi ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn căn cứ hợp đồng đã giao kết để xác định nợ lãi phải thanh toán là đúng thỏa thuận. Hai bên thỏa thuận lãi suất cơ sở cộng biên độ 6%/năm, hiện tại tương đương 15%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, tương đương 22,5%/năm, lãi chậm trả lãi 10%/năm là phù hợp với các quy định khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Ngày 23/01/2025 ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay được chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 14/02/2025. Do đó, ông T1 phải thanh toán 48.372.861 đồng nợ lãi, trong đó 33.532.926 đồng nợ lãi

trong hạn, 12.720.371 đồng nợ lãi quá hạn và 2.119.55 đồng nợ lãi chậm trả theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Ông T1 còn có nghĩa vụ thanh toán nợ lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Từ những căn cứ trên thấy: ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T2 có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi quá hạn là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Chu Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Chu Văn T1 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Chu Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ Hiện Đại số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 341/2022/HDTD/PVB-CNBRVT/PGDBMTT ngày 17/11/2022 là 274.666.250 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 48.372.861 đồng (bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi một đồng).

Ông Chu Văn T1 có nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng TMCP Đ Hiện Đại theo mức lãi suất đã thỏa thuận từ ngày 10/4/2026 cho đến khi trả xong nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Chu Văn T1 phải nộp số tiền 13.730.000 (mười ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho Ngân hàng TMCP Đ Hiện Đại số tiền 6.405.000 đồng (sáu triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049501 ngày 15/12/2025, của Phòng thi hành án dân sự khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV12, TP.HCM;
- Phòng THADS KV 12-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Trà

